

Số: 275 /BC-UBND

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 12/11/2023, UBND tỉnh đã ban hành Báo cáo số 263/BC-UBND về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 trình tại Kỳ họp thứ mười sáu, HĐND khóa XIV, nhiệm kỳ 2021-2026; trên cơ sở tiếp thu ý kiến tham gia tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 28, khóa XX, nhiệm kỳ 2020-2025, UBND tỉnh Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

I. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, tuyên truyền trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị

Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị, về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 30/9/2022 thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 16/12/2022 triển khai thực hiện Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ nhằm quán triệt sâu sắc và phân công các nhiệm vụ triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 96/NQ-CP của Chính phủ. Theo đó, tỉnh Thái Nguyên đã phân công cụ thể trách nhiệm cho từng Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao một cách đồng bộ, toàn diện, bảo đảm lộ trình, thời gian hoàn thiện theo đúng kế hoạch đề ra; hướng tới mục tiêu xây dựng tỉnh Thái Nguyên trở thành một trong những trung tâm sản xuất điện, điện tử, cơ khí chế tạo

trình độ cao; trung tâm giáo dục, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao; trung tâm y tế, chăm sóc sức khỏe; trung tâm du lịch; xây dựng thành phố Thái Nguyên trở thành một trong những cực tăng trưởng, hạt nhân quan trọng trong phát triển kinh tế của vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Đồng thời, tỉnh Thái Nguyên đã tổ chức các Hội nghị học tập quán triệt nội dung Nghị quyết theo hướng dẫn và chỉ đạo của Trung ương. Cấp ủy, chính quyền các cấp đã xây dựng nội dung, tổ chức triển khai nghiên cứu học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 11-NQ/TW và các văn bản, chương trình hành động triển khai Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên và nhân dân với nhiều hình thức phong phú phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị.

Với sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự đồng lòng, tham gia tích cực của người dân, cộng đồng doanh nghiệp, tỉnh Thái Nguyên đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận về phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, cụ thể: Tốc độ tăng trưởng đạt 5,56% với giá trị GRDP (*theo giá hiện hành*) ước đạt 152,6 nghìn tỷ đồng, lớn thứ 2 trong số 14 tỉnh Vùng trung du miền núi Bắc Bộ; GRDP bình quân đầu người ước đạt 113 triệu đồng, giá trị xuất khẩu ước đạt trên 27,1 tỷ USD và tổng thu ngân sách nhà nước ước đạt 20 nghìn tỷ đồng đều đứng thứ 1/14 các tỉnh trong Vùng trung du miền núi Bắc Bộ. Ngành thương mại, dịch vụ có tốc độ phục hồi và tăng trưởng tốt (trên 20%), với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh ước đạt 67,4 nghìn tỷ đồng, đang tạo sự chuyển dịch tích cực về cơ cấu kinh tế và có giá trị đứng thứ 1/14 tỉnh trong Vùng trung du miền núi Bắc Bộ.

Với những kết quả tích cực của năm 2023, tỉnh Thái Nguyên đang phát huy tốt vai trò là cực tăng trưởng quan trọng của vùng trung du miền núi Bắc Bộ theo tinh thần Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị đã đề ra.

(Có biểu thống kê các chỉ tiêu kinh tế xã hội chủ yếu kèm theo)

II. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị

1. Về tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh phát triển liên kết vùng

1.1. Về thể chế, chính sách

Tại Hội nghị lần thứ nhất Hội đồng điều phối vùng trung du và miền núi phía Bắc ngày 15/9/2023, UBND tỉnh Thái Nguyên đã gửi báo cáo tham luận về tăng cường phát triển liên kết vùng, trong đó có một số đề xuất về quy hoạch; bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng hạ tầng liên kết vùng, đặc biệt là hạ tầng giao thông, hạ tầng điện; tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm trong các lĩnh vực ưu tiên;...

Bên cạnh các nội dung góp ý hoàn thiện thể chế, chính sách của vùng, tỉnh Thái Nguyên tiếp tục thực hiện quyết liệt các giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh; thực hiện có hiệu quả các cơ chế,

chính sách, ưu đãi đầu tư hiện có trên địa bàn tỉnh. Kết quả xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022 tỉnh Thái Nguyên xếp thứ 25/63 tỉnh, thành phố (*tăng 03 bậc so với năm 2021*); chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2022 xếp thứ 02/63 tỉnh, thành phố trong cả nước (*tăng 09 bậc so với năm 2021*); chỉ số cải cách hành chính (Par index) năm 2022 tỉnh Thái Nguyên xếp vị trí thứ 9/63 tỉnh, thành phố; chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2022 nằm trong nhóm các tỉnh có nhóm điểm trung bình cao với tổng điểm đạt 43,01 điểm.

1.2. Về công tác quy hoạch

UBND tỉnh Thái Nguyên đã quyết liệt chỉ đạo các cấp, các ngành trong công tác lập Quy hoạch tỉnh. Ngày 14/3/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 222/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, tỉnh Thái Nguyên là địa phương thứ 5 trong cả nước được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh. Tháng 9/2023 tại Singapore, Quy hoạch tỉnh đã xuất sắc đạt giải Bạc - Giải thưởng quốc tế SIP Planning Awards 2023.

Sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt, UBND tỉnh Thái Nguyên đã và đang tích cực triển khai các bước để thực hiện quản lý quy hoạch cũng như tổ chức triển khai các nội dung theo Quy hoạch tỉnh gắn với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Đến nay, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã có 03 huyện được phê duyệt quy hoạch vùng huyện; có 06 huyện, thành phố được phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030; các địa phương còn lại đang tích cực triển khai lập quy hoạch vùng huyện; lập, điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công, thành phố Phổ Yên; hoàn thiện, trình phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030. UBND tỉnh Thái Nguyên cũng đã phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đối với 04 khu công nghiệp mới trong Quy hoạch tỉnh; 01 khu công nghệ thông tin tập trung.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh Thái Nguyên đã tích cực phối hợp, tham gia ý kiến với các Bộ, ngành Trung ương trong công tác lập các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng. Đồng thời chỉ đạo các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện các quy hoạch ngành quốc gia đã được phê duyệt.

Trong năm 2023, tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện tham gia ý kiến vào nhiều hồ sơ quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, các kế hoạch, chương trình hành động thực hiện quy hoạch, cụ thể: Chương trình hành động thực hiện nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc Hội về quy hoạch tổng thể quốc gia và kế hoạch thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia; Kế hoạch thực hiện quy hoạch Điện VIII;

Kế hoạch thực hiện Quy hoạch khoáng sản; Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc; Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng;...

Ngày 06/11/2023, các Sở, ban, ngành của tỉnh đã thực hiện tốt công tác phối hợp với Đoàn công tác của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành, đơn vị liên quan phục vụ hoàn thiện Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc; thực hiện làm việc, khảo sát thực tế tại một số đơn vị, công trình dự án trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Các Sở, ban, ngành của tỉnh đã tham gia đóng góp nhiều ý kiến trong định hướng phát triển các lĩnh vực mà tỉnh Thái Nguyên đóng vai trò trung tâm của vùng như giao thông, y tế, giáo dục, phát triển công nghiệp,...

1.3. Về tăng cường hợp tác, phối hợp với các tỉnh trong vùng

Tỉnh Thái Nguyên tiếp tục duy trì quan hệ hợp tác với các địa phương trong vùng; tích cực kết nối, làm sâu sắc thêm quan hệ hợp tác cấp địa phương. Trong năm 2023, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên đã ký kết 02 biên bản ghi nhớ hợp tác với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang và Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hải Dương.

Nhằm cụ thể hóa nội dung biên bản ghi nhớ, UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Kế hoạch thực hiện biên bản ghi nhớ hợp tác giữa tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Bắc Giang, trong đó chú trọng phát triển 10 nhóm nhiệm vụ ưu tiên; thực hiện phân công cụ thể, xác định rõ tiến độ hoàn thành với từng nhóm nhiệm vụ. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên, Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên cũng đã thực hiện ký kết chương trình phối hợp công tác với các đơn vị của tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2025.

2. Về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng mang tính liên vùng

2.1. Về kết cấu hạ tầng giao thông, logistics

Hiện nay, tỉnh Thái Nguyên đang tập trung đẩy nhanh tiến độ các dự án, công trình trọng điểm, mang tính liên kết vùng như: Dự án tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc, dự án có tổng chiều dài 42km, tổng mức đầu tư 4.204 tỷ đồng; Dự án đường Vành đai V vùng Thủ đô qua địa bàn tỉnh Thái Nguyên. UBND tỉnh Thái Nguyên cũng tích cực phối hợp với Bộ Giao thông vận tải triển khai đầu tư Dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chợ Chu - Ngã ba Trung Sơn. Tiến độ thực hiện các dự án cụ thể như sau:

- Dự án đường vành đai V vùng Thủ đô qua địa bàn tỉnh Thái Nguyên:

+ Dự án Đường vành đai V vùng Thủ đô Hà Nội (Đoạn tuyến đi trùng Đại lộ Đông - Tây Khu tổ hợp Yên Bình và cầu vượt sông Cầu): hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng ngày 16/11/2022 với chiều dài 9,16km. Quy mô đầu tư: Bnền = 33m; Bmặt = 2x12m; Bpcg = 5m; Bhè = 2x2m.

+ Hiện nay tỉnh đang triển khai thi công 12,72 km thuộc tuyến Vành đai V¹. Trong năm 2024 dự kiến hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng 12,72 km đường, nâng tổng số km đường hoàn thành 21,88/ 28,9 km (đoạn qua tỉnh Thái Nguyên).

- Dự án Tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc:

+ Dự án đang triển khai thi công (khởi công ngày 02/01/2023, dự kiến hoàn thành 30/4/2024). Quy mô đầu tư: Tổng chiều dài L=42,55Km (Tuyến chính chiều dài L=36,51Km; Tuyến nhánh chiều dài L=6,04Km).

+ Giá trị giải ngân/Giá trị vốn được cấp từ khởi công đến nay: 2.335/ 2.560 tỷ đồng, đạt 91%.

Tỉnh Thái Nguyên cũng đang tiến hành thu hút đầu tư xây dựng Cảng cạn (ICD) trên địa bàn tỉnh theo Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 22/8/2023.

2.2. Về kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp

Thời kỳ 2021-2030, tỉnh Thái Nguyên được quy hoạch 11 khu công nghiệp, 01 khu công nghệ thông tin tập trung với tổng diện tích 4.245ha, trong đó có 04 khu công nghiệp mới. Các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên sẽ giúp giải quyết việc làm cho không chỉ người dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên mà cho các tỉnh trong Vùng. Đồng thời việc mở rộng, đầu tư mới các Khu công nghiệp theo các trục giao thông liên kết vùng là tiền đề để thu hút các nhà đầu tư trong các ngành, lĩnh vực có khả năng phát triển liên kết sản xuất, hình thành các cụm ngành của vùng như công nghiệp điện tử, cơ khí chế tạo.

Đối với 04 khu công nghiệp mới và khu công nghệ thông tin tập trung, UBND tỉnh đã ban hành các quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch chung xây dựng Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Tây Phổ Yên; Quy hoạch phân khu xây dựng KCN Yên Bình 2, Quy hoạch phân khu xây dựng KCN Yên Bình 3, Quy hoạch phân khu xây dựng KCN Thượng Đình; Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghệ thông tin tập trung Yên Bình.

¹ Trong đó:

+ 6,68 km thuộc dự án Đường vành đai V đoạn qua khu vực tỉnh Thái Nguyên (đoạn từ huyện Phú Bình nối với tỉnh Bắc Giang): dự kiến hoàn thành 30/4/2024. Quy mô đầu tư: Đường cao tốc 06 làn xe. Giai đoạn I (2021-2025): theo quy mô đường cấp II đồng bằng (Bnền = 22,5m; Bmặt = 15m; Bpcg = 1,5m; Blề = 6m); Giai đoạn II: Đầu tư hoàn thiện dự án.

+ 6,04 km thuộc dự án Tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc: dự kiến hoàn thành 12/11/2024. Quy mô đầu tư: quy mô đầu tư: Đường cao tốc 06 làn xe. Giai đoạn I (2021-2025): theo quy mô đường cấp II đồng bằng (Bnền = 22,5m; Bmặt = 21,5m; Blề = 1m); Giai đoạn II: Đầu tư hoàn thiện dự án.

Đến nay, tỉnh Thái Nguyên có 05 khu công nghiệp đi vào hoạt động, thu hút 291 dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư còn hiệu lực, trong đó có 161 dự án FDI với tổng số vốn đăng ký đầu tư đạt hơn 10,3 tỷ USD và 130 dự án DDI với tổng số vốn đăng ký đầu tư đạt 16,5 nghìn tỷ đồng.

Thời kỳ 2021-2030, tỉnh Thái Nguyên được quy hoạch 41 cụm công nghiệp với tổng diện tích 2.067ha. Tính đến nay, tỉnh Thái Nguyên có 11 CCN đã đi vào hoạt động, thu hút 60 dự án đầu tư; có 21/41 CCN đã có chủ đầu tư hạ tầng, đang triển khai xây dựng với tổng vốn đăng ký đầu tư hạ tầng là 5.701 tỷ đồng.

2.3. Về kết cấu hạ tầng điện

Để đáp ứng nhu cầu điện cung ứng cho sản xuất kinh doanh, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng trên địa bàn toàn tỉnh, ngày 28/8/2023, UBND tỉnh Thái Nguyên đã ký Thỏa thuận hợp tác với Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc – Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Hiện nay, Tổng Công ty Điện lực miền Bắc đang tích cực triển khai một số dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh như sau:

- Các dự án đang triển khai: (1) Dự án đường dây 110KV từ TBA Yên Bình 1 vị trí 67 cũ - Lộ 174 TBA 220KV Lưu Xá; (2) Dự án Đường dây và Trạm biến áp (TBA) 110kV Đa Phúc; (3) Dự án đường dây và TBA 110kV Gia Sàng; (4) Dự án đường dây và TBA 110kV Định Hóa; (5) Dự án đường dây và TBA 110kV Yên Bình 8 và các dự án cải tạo, nâng cấp lưới điện khác... Trong đó, dự án đường dây, TBA 110kV Yên Bình 8 và Dự án đường dây, TBA 110kV Định Hóa đã được hoàn thành, vận hành hiệu quả.

- Dự án chuẩn bị đầu tư: Dự án đường dây và TBA 110kV Núi Cốc.

- Đối với các dự án đầu tư xây dựng trạm 220kV và 500kV trên địa bàn tỉnh theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, UBND tỉnh Thái Nguyên đã phối hợp, đề xuất với Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam để sớm có lộ trình đầu tư nhằm đảm bảo nguồn cung cấp điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương, đặc biệt là phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn.

3. Về lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo

Tỉnh Thái Nguyên là trung tâm đào tạo lớn của cả nước và của vùng với Đại học Thái Nguyên (bao gồm 08 trường đại học và các khoa, trường thành viên), Đại học Công nghệ Giao thông vận tải và Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 37 cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) được thành lập gồm: 12 trường cao đẳng (01 trường tư thục), 09 trường trung cấp (07 trường tư thục), 12 trung tâm GDNN (02 trung tâm tư thục) và 04 cơ sở khác có hoạt động GDNN (02 cơ sở tư thục).

Hệ thống y tế của tỉnh được quan tâm đầu tư phát triển đồng bộ, gồm 01 bệnh viện tuyến trung ương hạng đặc biệt, 02 bệnh viện tuyến tỉnh hạng I, 09 bệnh viện hạng II, 14 bệnh viện hạng III (trong đó có 05 bệnh viện ngoài công lập), phục vụ tốt nhu cầu khám chữa bệnh cho tỉnh Thái Nguyên và người dân các tỉnh thuộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

4. Về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

Công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ được quan tâm, có nhiều chuyển biến tích cực. Trong năm 2023, tỉnh Thái Nguyên phê duyệt danh mục tuyển chọn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh gồm 30 nhiệm vụ; danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen cấp tỉnh bắt đầu thực hiện từ năm 2023 gồm 06 nhiệm vụ. Phối hợp tổ chức thành công Hội thảo quốc tế về vật liệu và linh kiện tiên tiến lần thứ 4 (IWAMD 2023) tại tỉnh Thái Nguyên.

Các nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp đã bám sát định hướng phát triển nông nghiệp của tỉnh, nội dung nghiên cứu tập trung vào đổi mới giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, kỹ thuật mới, đã góp phần chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp; tạo được các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, mang lại giá trị kinh tế cao. Các nghiên cứu, ứng dụng, kỹ thuật mới trong lĩnh vực y dược đang được thực hiện sẽ góp phần tích cực trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho Nhân dân trong khám chữa bệnh. Kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn đã góp phần cung cấp luận cứ khoa học, hỗ trợ xây dựng, triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách phù hợp, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

5. Về phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

Đối với lĩnh vực văn hóa, du lịch, tỉnh Thái Nguyên đã tham gia ký kết thỏa thuận liên kết hợp tác phát triển du lịch giữa 06 tỉnh gồm: Hà Giang, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên. Trong đó, hàng năm các tỉnh luân phiên phối hợp tổ chức “Chương trình du lịch qua những miền di sản Việt Bắc”.

Về bảo tồn di tích và phát triển các thiết chế văn hóa: Hiện nay, toàn tỉnh có 302 di tích được xếp hạng (01 di tích được xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt với 13 điểm di tích; 57 di tích được xếp hạng cấp quốc gia và 232 di tích xếp hạng cấp tỉnh); 550 di sản văn hóa đã được kiểm kê, trong đó 19 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở đã và đang từng bước hoàn thiện về số lượng cũng như chất lượng.

Về phát triển hạ tầng du lịch, thể thao: Theo Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Thái Nguyên quy hoạch 13 sân golf;

thời gian qua, tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện các giải pháp thu hút đầu tư các dự án sân golf theo quy hoạch, đến nay có 02 dự án² sân golf đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, các chủ đầu tư đang tiến hành các bước triển khai đầu tư xây dựng dự án.

Đối với hạ tầng thể thao khác, tỉnh Thái Nguyên đang chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công xây dựng Dự án Sân vận động tỉnh Thái Nguyên, dự án có quy mô trên 15ha, sân vận động được thiết kế có quy mô 22.000 chỗ ngồi, tổng mức đầu tư trên 535 tỷ đồng.

6. Về bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh

6.1. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương

UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo; đồng thời tham gia ý kiến với các bộ, ngành, đơn vị về các lĩnh vực liên quan, đặc biệt là các khu vực liên quan đến quốc phòng, vùng CT229, các khu vực quy hoạch phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định, chấp hành nghiêm chế độ trực chỉ huy, trực ban, trực chuyên môn, phòng chống cháy nổ; phối hợp chặt chẽ với công an và các lực lượng khác trên địa bàn nắm chắc diễn biến và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Các huyện, thành phố tổ chức thành công lễ giao nhận quân năm 2023, đủ 100% chỉ tiêu⁽³⁾, chất lượng tân binh được bảo đảm. Công tác tập huấn, huấn luyện được tổ chức theo đúng kế hoạch. Triển khai công tác quốc phòng địa phương, dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng và an ninh ở các cấp theo quy định.

Tổ chức thành công diễn tập quân sự thành phố Sông Công và huyện Đại Từ bảo đảm đầy đủ nội dung, đúng tiến độ kế hoạch đề ra. Đồng thời trong năm 2023, Bộ CHQS tỉnh Thái Nguyên đã tổ chức tham quan một số tỉnh tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ và tham gia phối hợp trong nhiệm vụ diễn tập đối với các đơn vị chủ lực của Quân khu, qua đó rút ra một số kinh nghiệm, bổ sung kiến thức cho cán bộ làm công tác tham mưu, đồng thời học tập nhân rộng các mô hình hay; tạo sự liên kết giữa các địa phương với các đơn vị quân đội.

6.2. Công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh được giữ vững. Lực lượng Công an chủ động triển khai các phương án, kế hoạch nắm chắc tình hình, tăng cường quản lý địa bàn, đối tượng, không để xảy ra “điểm nóng” về an ninh, trật tự; bảo vệ an toàn tuyệt đối các mục tiêu, các sự kiện quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội diễn ra trên địa bàn. Công tác phòng cháy, chữa cháy được cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra và nhắc nhở nhằm hạn chế các vụ cháy nổ xảy ra trên địa bàn tỉnh.

² Dự án Khu thể thao sân golf Tân Thái, huyện Đại Từ và Dự án sân golf Glory, thành phố Phổ Yên.

³ Tổng số 1.800 công dân thực hiện nghĩa vụ quân sự và 327 công dân thực hiện nghĩa vụ công an nhân dân.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, UBND tỉnh Thái Nguyên trân trọng báo cáo./

Nơi nhận:

- Thường trực: Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Thái Nguyên;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Các Huyện ủy, Thành ủy;
- HĐND&UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Các Chuyên viên NCTH;
- Lưu: VT, TH.

Lhl/BC.325/100b

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Đặng Xuân Trường

PHỤ LỤC

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của 14 tỉnh thuộc vùng Trung du miền núi phía Bắc năm 2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phú Thọ	Sơn La	Lai Châu	Lào Cai	Cao Bằng	Tuyên Quang	Bắc Giang	Điện Biên	Hòa Bình	Yên Bái	Lạng Sơn	Bắc Kạn	Hà Giang	Thái Nguyên	So với 14 tỉnh
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP	%	7,58	1,79	-3,80	5,50	3,46	9,00	13,60	7,86	0,38	7,50	6,27	6,12	5,50	5,56	8
-	<i>Nông, lâm nghiệp, thủy sản</i>	%	3,21	4,57	5,06	3,23	2,28	5,14	3,10	3,49	4,17	5,47	4,30	4,39	5,00	4,03	9
-	<i>Công nghiệp - xây dựng</i>	%	11,73	-4,69	-13,80	3,35	-1,94	13,22	17,30	15,51	-4,76	9,01	8,08	9,90	1,60	5,03	8
	<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	%	11,54	-8,50	-19,01	1,29	-3,75	10,40	18,50	5,55	-7,62	6,85	8,85	11,90	-9,20	4,72	8
-	<i>Dịch vụ</i>	%	6,00	5,77	3,80	9,20	6,13	9,00	6,20	6,19	5,23	5,77	6,60	6,09	7,30	8,00	3
2	GRDP giá hiện hành	Tỷ đồng	100.088	70.586	22.540	74.092	23.569	45.699	184.580	14.955	57.206	44.675	48.693	16.677	33.117	152.609	2
3	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	65,4	53,9	47,2	95,0	43,0	56,3	96,0	43,1	69,1	52,0	60,3	51,0	36,8	113,0	1
4	Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM		69,0	34,0	41,5	48,0	12,2	60,7	84,6	22,6	61,2	66,0	52,5	28,1	27,4	93,7	1
5	Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội	Tỷ đồng	50.754	30.800	8.391	35.657	11.527	34.000	56.500	21.925	18.500	25.852	31.123	7.806	16.875	67.402	1
6	Giá trị xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD	10.400	187	8	2.159	336	150	27.000	104	1.695	350	156	21	294	27.141	1
7	Tổng vốn đầu tư phát triển	Tỷ đồng	45.600	22.000	11.500	53.000	10.022	14.861	88.650	18.330	22.736	20.038	34.790	6.200	15.077	61.282	2

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phú Thọ	Sơn La	Lai Châu	Lào Cai	Cao Bằng	Tuyên Quang	Bắc Giang	Điện Biên	Hòa Bình	Yên Bái	Lạng Sơn	Bắc Kạn	Hà Giang	Thái Nguyên	So với 14 tỉnh
8	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	8.416	4.250	2.063	9.500	2.010	3.266	15.820	1.474	4.350	5.200	7.290	856	2.295	20.000	1
9	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	71,0	61,0	58,3	67,7	50,0	67,5	76,0	62,2	60,6	67,7	62,0	47,0	56,0	73,0	2
	<i>Trong đó: Có bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận</i>	%	29,8	26,0	25,0	29,3	26,0	26,0	32,0	19,0	24,5	24,5	25,0	27,6	22,0	36,0	1
10	Tỷ lệ hộ nghèo	%	4,49	14,83	24,63	15,15	24,94	15,09	3,00	26,03	9,79	9,42	5,92	22,30	7,21	3,35	13
11	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	92,3	63,3	61,9	67,2	34,3	66,7	94,9	77,5	60,0	74,4	66,7	44,7	55,9	88,59	3
12	Số giường bệnh/vạn dân	Giường	55,0	29,9	32,5	45,0	35,0	39,9	32,5	32,2	29,0	35,0	33,3	31,6	45,7	51,5	2
13	Số bác sĩ/vạn dân	Bác sĩ	15,2	8,6	13,0	14,0	15,0	9,4	12,2	12,5	9,5	11,2	11,3	16,9	10,2	17,0	1
14	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT	%	93,7	96,0	90,8	92,0	94,0	30,5	99,3	96,2	92,0	95,0	94,3	97,0	97,3	95,0	6